

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269 /2020/DS-PT

Ngày: 31- 7 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Bình.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan
Ông Lê Hoàng Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2019/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp Th, xã H, huyện B, Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1953;

Địa chỉ: số 273/40/1 Nguyễn Văn Đ, phường M, quận Th, Tp Hồ Chí Minh
(Theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2018) (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1966;

2. Anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Ông Nguyễn Phước Kh, sinh năm 1964.

4. Anh Nguyễn Phước Ng, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Q, thị xã C, Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Kh, ông Ng, ông H: bà Trần Thị Ch, sinh năm 1966, địa chỉ: thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (Theo các văn bản ủy quyền ngày 19/3/2019) (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Th cũng như đại diện theo ủy quyền ông Lê Văn D trình bày:*

Vào năm 2014 đến năm 2016 bà Trần Thị Ch, ông Nguyễn Phước Kh, ông Nguyễn Phước H và ông Nguyễn Phước Ng cùng tổ chức góp hội với nhiều dây hội có rủ chị Th tham gia để dành tiền làm ăn, bà Th có tham gia nhiều dây hội; hàng tháng, bà Ch, ông Kh, ông Ng, ông H đến nhận tiền góp hội của bà Th, tổng số tiền bà Th đã giao là 3.848.000.000 đồng. Ông H, ông Kh, bà Ch, ông Ng thường xuyên đến nhận tiền góp hội của bà Th tại nơi buôn bán của bà Th cũng như những người góp hội khác ở lân cận. Nhưng khi tới kỳ hốt hội, bà Th xin hốt hội thì ông Kh, bà Ch, ông H, ông Ng cố tình lẩn tránh không giao tiền hốt hội cho bà Th.

Quan hệ giữa bà Ch và ông Kh là vợ chồng, ông Ng, ông H là các con ông Kh, bà Ch.

Bà Th và những hội viên khác tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang, bà Trần Thị Ch thay mặt ông Kh, ông H, ông Ng đã thừa nhận hành vi tổ chức hội và xác nhận số tiền bà Th đã góp hội là 3.848.000.000 đồng. Bà Th đã nhiều lần nhắc nhở bà Ch, ông Kh, ông H, ông Ng thanh toán số tiền nợ trên nhưng những người này không trả tiền cho bà Th. Tháng 10/2017, ông Kh đã chuyển quyền sử dụng đất (tặng cho) cho ông Ng để nhằm tẩu tán tài sản.

Bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Ch, ông Nguyễn Phước Kh, ông Nguyễn Phước H, ông Nguyễn Phước Ng cùng liên đới trả cho bà Th số tiền 3.848.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/01/2017 đến ngày xét xử (tính tròn 29 tháng, lãi 10%/năm); bà Th rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 384.800.000 đồng do bà Ch đã thanh toán tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang. Như vậy tổng cộng số tiền yêu cầu bà Ch, ông Kh, ông H, ông Ng phải trả cho bà Th số tiền hội 3.463.200.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/01/2017 đến ngày xét xử (tính tròn 29 tháng, lãi 10%/năm) là 833.592.240 đồng, tổng cộng là 4.296.792.240 đồng. Trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Trần Thị Ch trình bày:*

Bà thừa nhận với lời trình bày của phía nguyên đơn về việc bà còn nợ bà Nguyễn Thị Phương Th số tiền 3.848.000.000 như biên bản đối chiếu nợ ngày 13/01/2017 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tiền Giang. Nhưng sau đó bà bán tài sản trả cho bà Th 10% của số tiền nợ là 384.800.000 đồng. Hiện tại bà còn nợ bà Th số tiền 3.463.200.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà Th số tiền 3.463.200.000 đồng nhưng xin trả dần. Đối với tiền lãi bà xin không trả do hoàn

cảnh kinh tế của bà quá khó khăn. Còn đối với lời trình bày của phía nguyên đơn về việc bà cùng chồng và các con tổ chức góp hụi của các hụi viên là không có, chỉ có một mình bà thực hiện việc này, chồng bà là ông Kh và các con ông H, ông Ng không tham gia đi gom hụi, không liên quan đến giao dịch hụi của bà nên họ không có nghĩa vụ trả nợ cùng bà.

** Bị đơn ông Nguyễn Phước Kh, Nguyễn Phước H và Nguyễn Phước Ng cùng trình bày:*

Ông Kh, ông H, ông Ng cho rằng bà Ch tổ chức hụi các ông không có tham gia, không biết về các giao dịch hụi do bà Ch tổ chức nên không đồng ý liên đới cùng bà Ch trả số tiền nợ hụi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2019/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 271 BLTTDS; Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ hướng dẫn về hộ, hụi, biếu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Th.

Buộc bà Trần Thị Ch, ông Nguyễn Phước Kh, ông Nguyễn Phước H, ông Nguyễn Phước Ng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Phương Th số tiền hụi gốc và lãi suất là 4.296.792.240 đồng.

Thời hạn thanh toán: 01 lần kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Th có đơn yêu cầu thi hành án gửi cơ quan thi hành án dân sự mà bà Ch, ông Kh, ông Ng, ông H không thanh toán hoặc chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Ch, ông Kh, ông Ng, ông H còn phải trả cho bà Th khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, Tiền Giang.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Ch, ông Nguyễn Phước Kh, ông Nguyễn Phước H, ông Nguyễn Phước Ng liên đới phải chịu 56.148.396 đồng, hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Phương Th số tiền tạm ứng án phí là 56.251.000 đồng theo biên lai thu số 0001928 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, bị đơn bà Trần Thị Ch kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2019/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc bà Trần Thị Ch chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ cho bà Nguyễn Thị Phương Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Ch giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ một mình bà Ch có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền hui gốc và lãi 4.296.792.240 đồng

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà Ch, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Ch không có căn cứ chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Hợp đồng góp hui” là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật dân sự và Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy bà Nguyễn Thị Phương Th có tham gia 07 dây hui tháng, mỗi dây hui là 20.000.000 đồng/1 phần do bà Trần Thị Ch làm đầu thảo từ năm 2014 đến năm 2016; tới kỳ bà Th hốt hui thì bà Ch cố tình lẩn tránh không giao hui cho bà Th, bà Th và những hui viên khác tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền. Tại cơ quan điều tra công an tỉnh Tiền Giang theo biên bản đối chiếu nợ ngày 13/01/2017 giữa Chuyện và bà Th, bà Ch thừa nhận còn nợ tiền hui bà Th số tiền góp hui là 3.848.000.000 đồng, sau đó bà Ch bán tài sản có trả cho bà Th 10% là 384.800.000 đồng, còn nợ lại 3.463.200.000 đồng.

Bà Th khởi kiện yêu cầu bà Ch, ông Kh, anh Ng và anh H liên đới trả số tiền 3.463.200.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/01/2017; Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc bà Ch, ông Kh, anh Ng và anh H liên đới trả cho bà Th số tiền gốc và lãi tổng cộng là 4.296.792.240 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm bà Th, ông Kh, anh H, anh Ng không có kháng cáo, bà Ch kháng cáo.

Xét thấy bà Ch kháng cáo bản án sơ thẩm với yêu cầu là chỉ một mình bà trả nợ cho bà Th số tiền gốc và lãi như bản án sơ thẩm tuyên là 4.296.792.240 đồng, việc bản án sơ thẩm tuyên bà liên đới cùng ông Kh, anh Ng và anh H trả nợ cho bà Th bà không đồng ý, bởi lẽ ông Kh, anh Ng và anh H không có liên quan đến việc bà tổ chức góp hui.

Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Ch xét thấy:

Ông Kh là chồng của bà Ch, anh Ng và anh H là con của bà Ch, bà Th trình bày khi đến góp hui thì các thành viên gia đình bà Ch là ông Kh, anh Ng và anh H đều có đến nơi làm ăn của bà Th để nhận tiền góp hui. Những người tham gia chơi hui chung với bà Th là Nguyễn Thị Lang T1, Đoàn Thị C1, Trần Thị N1, Nguyễn Thị N2 có đơn tường trình và cam kết thông qua chứng thực của Ủy ban nhân dân xã về trách nhiệm trình bày với nội dung xác định trong thời gian thực

hiện việc góp hụi thì các thành viên trong gia đình bà Ch gồm Nguyễn Phước Kh, Nguyễn Phước H, Nguyễn Phước Ng đều biết việc bà Ch tổ chức hụi và thực hiện chở bà Ch đi lấy tiền hụi hàng tháng.

Đồng thời, tại Cơ quan điều tra ông Kh thừa nhận biết vợ (bà Ch) tổ chức hụi, có chở bà Ch đi gom tiền hụi nhưng bà Ch nhận tiền hụi từ hụi viên chứ ông không nhận, anh H, anh Ng thừa nhận biết bà Ch tổ chức góp hụi đã lâu nhưng không thừa nhận tham gia tổ chức hụi với bà Ch.

Xét thấy tại Cơ quan điều tra bà Ch thừa nhận ông Kh, anh Ng và anh H có tham gia cùng đi thu tiền hụi các hụi viên; đồng thời tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bà Ch thừa nhận bà làm đầu thảo hụi đã lâu khoảng 20 năm, tại thời điểm bẻ hụi số dây hụi bà Ch tổ chức làm chủ hụi khoảng 40 dây, số tiền mỗi dây hụi từ 2.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với khoảng 100 hụi viên tham gia góp hụi để bà Ch hưởng huê hồng; số tiền các hụi viên tham gia chơi rất lớn, thời điểm Cơ quan điều tra đối chiếu nợ giữa bà Ch và các hụi viên, thì bà Ch nợ các hụi viên khoảng 40 tỷ đồng, các hụi viên tham gia góp hụi ở các địa bàn khác nhau như huyện B, huyện L, thị xã C, thậm chí ở tỉnh khác như tỉnh Bình Phước và Thành phố Cần Thơ. Như vậy việc bà Ch tổ chức góp hụi diễn ra trong thời gian dài, số hụi viên và số tiền tham gia góp hụi rất lớn như nêu trên, thời gian bà Ch làm chủ hụi thì ông Kh, anh Ng và anh H cùng sống chung với bà Ch, nên bà Ch cho rằng việc bà Ch tổ chức góp hụi ông Kh, anh Ng và anh H không tham gia vào việc góp hụi của bà Ch là không có căn cứ chấp nhận; đồng thời bà Ch cho rằng số tiền khoảng 40 tỷ đồng bà nợ các hụi viên thì một phần tiền hụi trên bà Ch bị các hụi viên khác nợ không trả tuy nhiên bà Ch không cung cấp được chứng cứ chứng minh là các hụi viên có nợ tiền hụi bà nên lời trình bày của bà Ch là không có căn cứ; ngoài ra bà Ch trình bày một phần tiền hụi bù lỗ vào việc kinh doanh mua bán gạo của gia đình bà, một phần tiền hụi sử dụng sinh hoạt chung trong gia đình, mặt khác trong thời gian bà Ch làm đầu thảo hụi phía ông Kh, anh Ng và anh H không có làm kinh tế riêng để tạo thu nhập riêng nên việc bà Ch tổ chức góp hụi để hưởng huê hồng thì các thành viên trong gia đình bà Ch, cụ thể là ông Kh, anh H và anh Ng cùng hưởng chung để đảm bảo cuộc sống gia đình, lo cho con ăn học và làm ăn.

Xét thấy ông Kh là chồng bà Ch nên phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà Ch thực hiện nghĩa vụ giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân gia đình; mặt khác bà Ch thừa nhận sau khi bà tuyên bố bẻ hụi, ông Kh có hành vi lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Ng vào các ngày 30/8/2017, ngày 17/10/2017 đối với 3 thửa đất ở thị xã C, tỉnh Tiền Giang và vào ngày 19/9/2016 bà Ch và ông Kh có hành vi chuyển quyền sử dụng đất cho anh H thửa đất ở tỉnh Bình Phước; xét thấy hành vi trên có dấu hiệu của việc trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ cho các hụi viên.

Từ những căn cứ trên, xét thấy ông Kh, anh Ng và anh H biết việc bà Ch làm chủ hụi tham gia giao dịch hụi với các hụi viên và tham gia cùng bà Ch nhận các phần hụi của các hụi viên góp, cùng thụ hưởng số tiền thu lợi có được từ giao dịch góp hụi đó, nên phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà Ch trả số nợ trên cho bà Th, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Ch liên đới cùng với ông Kh, anh

Ng và anh H trả tiền hội vốn và lãi cho bà Th với số tiền 4.296.792.240 đồng là có căn cứ, nên kháng cáo của bà Ch không có cơ sở chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bà Ch không được chấp nhận nên bà Ch phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, Điều 471, Điều 280, Điều 288, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ hướng dẫn về họ, hội, biểu, phùng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Ch.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2019/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Th.

Buộc bà Trần Thị Ch, ông Nguyễn Phước Kh, ông Nguyễn Phước H, ông Nguyễn Phước Ng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Phương Th số tiền hội gốc và lãi là 4.296.792.240 đồng (Bốn tỷ hai trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn hai trăm bốn chục đồng).

Thời hạn thanh toán: kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Th có đơn yêu cầu thi hành án gửi cơ quan thi hành án dân sự mà bà Ch, ông Kh, ông Ng, ông H không thanh toán hoặc chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Ch, ông Kh, ông Ng, ông H còn phải trả cho bà Th khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 05/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, Tiền Giang.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Ch, ông Nguyễn Phước Kh, ông Nguyễn Phước H, ông Nguyễn Phước Ng liên đới phải chịu 56.148.396 đồng.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Phương Th số tiền tạm ứng án phí là 56.251.000 đồng theo biên lai thu số 0001928 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.1 Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Trần Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000141 ngày 05/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang, nên bà Ch đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2020-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Bình